

Số: 37 /KH-UBND

Hưng Yên, ngày 11 tháng 3 năm 2019

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới năm 2019**

Căn cứ Nghị quyết số 169/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;

Căn cứ Chương trình công tác năm 2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2019;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới năm 2019 như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, các Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới năm 2019; các Kế hoạch, Chương trình, Đề án, Dự án của UBND tỉnh về vấn đề nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đã ban hành, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

2. Phân công rõ từng chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản cho các huyện, thành phố tổ chức thực hiện; đồng thời làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các địa phương trong năm 2019.

3. Duy trì tốt công tác lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện các Chương trình, Kế hoạch tại các địa phương; báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và theo yêu cầu của UBND tỉnh.

#### **II. NỘI DUNG**

##### **1. Các chỉ tiêu thực hiện**

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá cố định 2010) đạt 12.541 tỷ đồng (trong đó: Nông nghiệp 11.235 tỷ đồng; lâm nghiệp 10 tỷ đồng; thủy sản 1.296 tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng đạt 2,6% trở lên.

- Năng suất lúa bình quân đạt 62,0 tạ/ha/vụ.

- Tỷ lệ diện tích lúa chất lượng cao đạt 67%.

- Thành lập mới 40 Hợp tác xã, 367 Tổ hợp tác, cấp 110 giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

- Chuyển đổi được 2.563ha đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản.

- Tích tụ, tập trung ruộng đất được 1.705ha.

- Chứng nhận VietGap được 722ha cho cây ăn quả (nhãn, vải, cây có múi) trên địa bàn tỉnh (trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 500ha; các huyện, thành phố: 222ha).

- Dạy nghề cho lao động nông thôn được 1.700 học viên (trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 500 học viên; các huyện, thành phố: 1.200 học viên).

- Số xã, thôn có đường ống nước sạch đạt 100%, trong đó: Tỷ lệ người dân nông thôn được cấp nước sạch theo Quy chuẩn 90%.

- Phần đầu có thêm 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; có 28 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân toàn tỉnh đạt 19,0 tiêu chí/xã.

(Phụ lục chi tiết giao cho các huyện, thành phố kèm theo)

## 2. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; Nghị quyết, Chương trình, Đề án của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, của HĐND tỉnh và chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh về phát triển toàn diện kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2019, trong đó có nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Trên cơ sở các mục tiêu phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới được cụ thể hóa thành các chỉ tiêu đã nêu trong Kế hoạch này, các sở, ngành và các địa phương chủ động tổ chức triển khai thực hiện; phối hợp liên ngành từ tỉnh đến cơ sở để thực hiện đạt các chỉ tiêu theo Kế hoạch đề ra.

- Huy động, ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ để thúc đẩy hoàn thành các mục tiêu phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới năm 2019.

- Xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá, giám sát một cách hiệu lực, hiệu quả và xác định rõ trách nhiệm của các bên có liên quan.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thường xuyên đôn đốc, theo dõi tình hình thực hiện từng chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định; cuối năm đánh giá, xếp loại các địa phương hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra của tỉnh đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch ở các huyện, thành phố (ít nhất 01 lần/huyện/năm).

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo cán bộ, chuyên viên thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện tốt các chỉ tiêu tỉnh, huyện giao; phối hợp với cấp huyện kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch ở cấp xã.

### 2. UBND các huyện, thành phố

- Căn cứ các chỉ tiêu được giao kèm theo Kế hoạch này, phân bổ chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc có liên quan và UBND các xã, thị trấn để tổ chức thực hiện; đồng thời thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các mục

tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch được giao; linh hoạt, chủ động thực hiện đồng bộ các giải pháp để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

- Giao chỉ tiêu chi tiết cho các xã, phường, thị trấn và thành lập Đoàn kiểm tra của huyện, thành phố tiến hành kiểm tra 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn về tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cuối năm, các đơn vị, địa phương tiến hành rà soát, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân. Báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới năm 2019, UBND tỉnh yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị, địa phương chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc liên hệ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo. /.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Quang**

**PHỤ LỤC: CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 2019 CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

*(Ban hành theo Kế hoạch số 27 /KH-UBND ngày 11 tháng 09 năm 2019 của UBND tỉnh Hưng Yên)*

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Tổng số	TRONG ĐÓ											
				Tp Hưng Yên	Ân Thi	Khoái Châu	Kim Động	Yên Mỹ	Văn Lâm	Văn Giang	Mỹ Hào	Phù Cừ	Tiền Lữ		
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp</b>														
<b>1</b>	<b>Trồng trọt- BVTV</b>														
-	Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	91,376	5,650	16,254	10,358	10,300	7,880	7,312	5,597	7,563	11,000	9,462		
	Trong đó: Diện tích cây vụ Đông	Ha	11,050	1,050	1,500	2,000	1,300	800	800	1,600	200	800	1,000		
-	Năng suất lúa bình quân cả năm	Tạ/ha/vụ	62.0	63.0	61.0	62.9	62.0	62.0	61.0	62.0	61.0	65.0	63.25		
-	Tỷ lệ lúa chất lượng cao	%	67.0	65.0	65.0	65.0	55.0	73.12	63.0	62.5	84.00	75.0	80.0		
-	Tỷ lệ lúa gieo thẳng	%	25-30	0.0	30.0	30.0	40.0	5.00	40.0	0.0	30.00	30.0	15.0		
-	Chuyển đổi đất lúa	Ha	2,563	123	260	295	326	340	496	139	90	244	250		
-	Tích tụ ruộng đất	Ha	1,705	70	170	290	210	130	205	65	160	200	205		
-	Chứng nhận VietGAP	Ha	222	5	38	59	70	13	0	10	0	19	8		
-	Giảm dịch bệnh trên cây trồng	%	5-10	5-10	5-10	5-10	5-10	5-10	5-10	5-10	5-10	5-10	5-10		
<b>2</b>	<b>Chăn nuôi-thủy</b>														
-	Tổng đàn lợn	Con	609,980	59,400	48,500	95,000	41,000	50,000	41,080	110,000	35,000	35,000	95,000		
	Trong đó: Tỷ lệ nạc hóa đàn lợn	%	90	>85	85	100	100	100	>95	95	100	100	85-90		
-	Đàn trâu	Con	3,135	100	550	170	200	170	250	95	700	500	400		
-	Đàn bò	Con	36,970	11,100	2,850	2,400	5,700	1,300	870	1,500	1,050	3,800	6,400		
	Trong đó: Tỷ lệ bò cao sản	%	40-45	70	38	70	60	70	40	65	80	7-10	85-90		
-	Đàn gia cầm	Tr.con	9,010	425	1,300	1,100	1,300	1,250	620	325	440	1,200	1,050		
	Trong đó: Tỷ lệ gà lông màu	%	90	>95	92	90	100	100	>90	90	80	90	75		
-	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	155,000	13,800	14,700	21,000	11,500	15,800	11,300	24,500	11,200	8,700	22,500		

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Tổng số	TRONG ĐÓ											
				Tp Hưng Yên	Ấn Thi	Khoái Châu	Kim Động	Yên Mỹ	Văn Lâm	Văn Giang	Mỹ Hào	Phù Cừ	Tiên Lữ		
-	Tỷ lệ tiêm phòng so với diện tích	%	>90	>90	>90	>90	>90	>90	>90	>90	>90	>90	>90	>90	>90
-	Dịch bệnh gia súc, gia cầm	Ô dịch	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>3</b>	<b>Thủy sản</b>														
-	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	5,637	252	816	1,305	332	344	200	445	330	1,073	540		
-	Trong đó: Diện tích nuôi thâm canh	Ha	1,920	80	231	371	120	118	104	187	223	318	168		
-	Sản lượng thủy sản	Tấn	42,500	3,165	6,300	10,910	2,100	2,000	1,280	4,045	2,250	7,210	3,240		
-	Mô hình cá sông trong ao nước tĩnh	Bể cá	10	0	0	0	2	2	2	0	2	0	2		
<b>II</b>	<b>Phát triển nông thôn</b>														
-	Thành lập mới HTX	HTX	40	2	7	8	4	4	2	3	3	2	5		
-	Trong đó: HTX ứng dụng CNC	HTX	15	0	1	4	1	1	1	1	1	2	3		
-	Thành lập mới THT	THT	367	21	54	76	36	39	28	28	28	31	26		
-	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	GCN	110	3	12	17	4	14	8	30	3	4	15		
-	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Học viên	1,200	70	150	150	150	100	150	150	100	100	80		
<b>III</b>	<b>Về xây dựng nông thôn mới</b>														
-	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	28	0	6	5	3	5	0	0	0	3	6		
-	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	xã	16	1	1	1	3	2	2	2	2	1	1		
-	Bình quân tiêu chí/xã	Tiêu chí	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19		
<b>IV</b>	<b>Nước sạch và VSMT nông thôn</b>														
-	Số xã đầu nối nước sạch 100%	xã	145	10	20	24	16	16	10	10	12	13	14		
-	Tỷ lệ người dân nông thôn được cấp nước sạch theo quy chuẩn 90%														